

# Chính sách kích cầu đầu tư qua hỗ trợ lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại

TS. NGUYỄN VĂN LÂM

NHNN&PTNT tỉnh Bình Phước



**H**ỗ trợ lãi suất cho vay vốn lưu động đối với doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh là một chính sách lớn của Chính phủ đang được ngành ngân hàng triển khai trên phạm vi cả nước. Thời gian thực hiện chưa dài, nhưng kết quả thu được rất quan trọng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến ngày 6-3-2009, các ngân hàng thương mại (NHTM) trong cả nước đã giải ngân cho vay vốn theo chương trình hỗ trợ 4% lãi suất được 113.708 tỷ đồng, trong đó dư nợ của các NHTM Nhà nước và Quỹ tín dụng Trung ương là 89.430 tỷ đồng, khối NHTM cổ phần dư nợ đạt 22.607 tỷ đồng, khối chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh đạt 1.669 tỷ đồng.

Như vậy mới qua chưa đầy 1 tháng triển khai Quyết định 131/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ lãi suất, kích cầu đầu tư, ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng bền vững và đảm bảo an sinh xã hội, các NHTM đã đạt được mức tăng trưởng dư nợ khoảng gần 9%. Đây là kết quả triển khai tích cực, đồng bộ, khẩn trương của các NHTM trước chính sách lớn của Chính phủ. Nhưng mặt khác cũng cho thấy chính sách này nhanh chóng đi vào cuộc sống, được sự phối hợp chặt chẽ từ NHNN, các NHTM đến các doanh nghiệp, người vay vốn nói chung và một số Hội ngành nghề, các cấp có liên quan. Tất cả các khối NHTM, kể cả các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh đều vào cuộc. Trong đó triển khai có kết quả lớn nhất là khối các NHTM Nhà nước, với mạng lưới rộng trong toàn quốc, số lượng chi nhánh đông, khách hàng đa dạng và đối tượng đầu tư vốn đa dạng, phù hợp với quy định tại Quyết định 131/TTg.

Cũng có thể nói hiếm có chính sách nào được triển khai có kết quả nhanh như vậy. Báo cáo của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 2-2009 ( họp trong hai ngày 2 và 3-3-2009) đã nói rõ: “ Hệ thống các giải pháp kích cầu và đầu tư được chỉ đạo triển khai tích cực, tạo sự đồng thuận xã hội, bước đầu đi vào cuộc sống với

hàng loạt cơ chế, chính sách về tài chính – tiền tệ ...”. Đây cũng là kết quả của sự minh bạch chính sách. Bởi vì ngay khi ban hành các quyết định văn bản hướng dẫn,... đã được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các NHTM tổ chức hội nghị khách hàng, phổ biến qua các Hội nghề nghiệp, tiếp cận trực tiếp các đối tượng khách hàng khác nhau,... Thông tin để mọi người dân, doanh nghiệp đều biết, tiếp cận chính sách nói trên của Chính phủ; đồng thời dư luận, người dân biết để tham gia giám sát theo cách phù hợp của mình đối với việc triển khai của toàn ngành ngân hàng. Chính sách được minh bạch của về đối tượng được vay, quy trình phải tuân thủ, thời gian thực hiện và mức lãi suất được hỗ trợ. Mọi đối tượng khách hàng đáp ứng được yêu cầu quy định trong Quyết định 131/TTg và Thông tư 02 cùng văn bản khác có liên quan của NHNN đều bình đẳng, đều được vay vốn hỗ trợ lãi suất, chứ không giành cho riêng ai. Sự giám sát của dư luận, của công chúng, của các Hiệp hội cũng góp phần đảm bảo cho sự bình đẳng và minh bạch này.

Hệ thống thông tin trong quản lý nhà nước về tiền tệ và trong quản trị điều hành kinh doanh cũng đảm bảo cho sự minh bạch, cũng như sự chỉ đạo điều hành đảm bảo tính đúng đắn của chính sách. Các NHTM có hệ thống thông tin, trách nhiệm về thông tin. Các thông tin đó được chuyển tải về NHNN theo quy định của pháp luật và của công tác chỉ đạo điều hành. NHNN là một cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, nên có trách nhiệm về mặt đảm bảo thông tin kịp thời theo yêu cầu cho Chính phủ, cho Thủ tướng và các cơ quan có liên quan trong hoạt động tiền tệ, ngân hàng nói chung và chính sách hỗ trợ 4% lãi suất nói riêng.

Về quy trình, thủ tục của ngân hàng thương mại thì đây là nguyên lý có tính chất bắt buộc, tất yếu,... để đảm bảo tính hiệu quả của chính sách, đảm bảo ý thức chấp hành quy trình, chế độ của các NHTM và doanh nghiệp, hộ vay vốn,... Những quy trình, thủ tục bắt buộc, thậm chí là chặt chẽ hơn cũng là để giảm thiểu những tiêu cực, lợi dụng cũng như nâng cao ý

thức sử dụng vốn, ý thức hoàn trả vốn của doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh đối với ngân hàng cho vay. Chỉ có thể đề cập đến giảm thủ tục hành chính tài chính các cơ quan hành chính, chứ không thể bỏ qua các nguyên tắc trong hoạt động kinh doanh, điều kiện và quy trình tín dụng, quản lý tiền tệ trong cơ chế hội nhập, mở cửa thị trường tài chính của NHTM.

Cũng do phải khẩn trương triển khai, lại rơi đúng vào thời điểm cận kề trước và sau Tết Nguyên đán Kỷ Sửu, nên NHNN đã tập trung ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức họp triển khai. Đối với các NHTM cũng vậy ban hành sớm văn bản hướng dẫn. Riêng NHNo&PTNT Việt Nam chỉ sau khi NHNN có Thông tư 02 được 2-3 ngày thì cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nội bộ trong toàn hệ thống. Do đó được biết quan điểm của NHNN là vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vướng tới đâu thì xử lý tới đó và chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, chứ không chờ phải tổ chức nhiều cuộc họp ở nhiều cấp, hội thảo, bàn luận... rồi mới ban hành văn bản. Theo hướng đó nên sau khoảng 1 tháng triển khai, NHNN đã có văn bản hướng dẫn bổ sung, tháo gỡ vướng mắc về thủ tục chứng minh mục đích sử dụng vốn, bổ sung đối tượng được vay vốn hỗ trợ lãi suất, nói rõ một số trường hợp không được vay theo Quyết định 131/TTg. Với văn bản hướng dẫn đó, sẽ tạo điều kiện cho các NHTM mạnh dạn triển khai tích cực hơn và kỳ vọng dư nợ cho vay sẽ tiếp tục tăng theo nhu cầu thực tế.

Đây là lần đầu tiên kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế nói chung và đổi mới hoạt động ngân hàng nói riêng cho đến nay Việt Nam mới có chính sách hỗ trợ về tín dụng rộng lớn cả về quy mô, phạm vi, đối tượng và kéo dài đến như vậy, nên rõ ràng bài học kinh nghiệm chưa nhiều, đành rằng tất yếu có đúc kết thực tiễn từ các chương trình hỗ trợ tín dụng cá biệt, phạm vi hẹp,... trước đây, nên chỉ sau hơn 4 tuần đạt được kết quả nói trên trong bối cảnh phải triển khai trong thời gian ngắn càng cho thấy cả về cơ chế chính sách và thực tiễn có sự gặp nhau thuận lợi.

Qua nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của nhiều quốc gia, nền kinh tế và vùng lãnh thổ thực hiện chính sách tài chính cho phòng chống, ngăn ngừa tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế toàn cầu cho đến nay có thể đưa ra nhận định rằng, hỗ trợ lãi suất tín dụng ngắn hạn, bổ sung vốn lưu động là cách làm riêng, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Bởi vì khu vực nông nghiệp, hộ nông dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực sản xuất kinh doanh... hiện có vị trí hàng đầu trong giải quyết việc làm cho người lao động, cung cấp khối lượng lớn lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Đây cũng là khu vực dễ bị "tổn thương" do tác động của khủng hoảng tài chính, nhất là giá cả của nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu giảm mạnh, thị trường tiêu thụ hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, hàng hoá tiêu dùng khác giảm mạnh. Nếu như trong 8 tháng đầu năm 2008, thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, lãi suất cho vay cao, các doanh nghiệp, hộ kinh

doanh và nhiều nhà nghiên cứu lên tiếng cho rằng gây khó khăn cho người vay vốn, thì với việc NHNN liên tục hạ các loại lãi suất chủ đạo, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, triển khai đồng bộ chính sách hỗ trợ lãi suất,... thì rõ ràng là tác động lớn đến sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động.

Mỗi nước có điều kiện cụ thể khác nhau, nên không thể áp dụng máy móc, dập khuôn kinh nghiệm nước ngoài được. Mỗi chính sách có mục tiêu cụ thể, hỗ trợ lãi suất thông qua chính sách tín dụng là điều kiện giúp doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vốn lưu động với chi phí vốn vay thấp, chứ không làm thay chính sách thương mại, chính sách xuất nhập khẩu để tiêu thụ hàng hoá. Với chi phí lãi suất thấp hơn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh có vốn lưu động mua nguyên nhiên vật liệu, sản xuất ra hàng hoá có giá thành thấp hơn, tạo thuận lợi trong tiêu thụ. Phối hợp với chính sách tiền tệ, chính sách tài chính cũng giãn và giảm thuế cho doanh nghiệp, hỗ trợ vốn vay lãi suất 0% để trả lương và nộp bảo hiểm xã hội,... thì cũng góp phần giảm chi phí, giảm giá thành, tác động đến tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp.

Song thông lệ, cách làm của thế giới cũng được tham khảo có chọn lọc cho Việt Nam, đó là chính sách tiền tệ và chính sách tài chính phối hợp chặt chẽ với nhau. Nếu như chính sách tiền tệ hỗ trợ về vốn lưu động với chi phí lãi suất vay thấp, giúp các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh suy trì hoạt động, giảm giá thành,... thì chính sách tài chính hỗ trợ khó khăn cho cả doanh nghiệp và người lao động trong những lúc khó khăn, kích cầu tiêu dùng và đầu tư. Hai chính sách này kích thích đầu tư của cả doanh nghiệp, hộ gia đình và Chính phủ. Đồng thời hai chính sách này cũng kích cầu tiêu dùng của cả ba khu vực: Nhà nước, doanh nghiệp và dân doanh. Các chính sách có tác động hiệu ứng lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau. Đành rằng ngay bây giờ nhìn thấy ngay đầy đủ hiệu quả của chính sách tiền tệ là điều chưa đúng với quy luật, bởi vì bao giờ tác động của chính sách cũng có độ trễ nhất định. Nếu như có vốn, tiếp tục duy trì được sản xuất kinh doanh, giữ chân được công nhân, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động trong bối cảnh khó khăn chung,... thì rõ ràng là đó là hiệu quả ban đầu của cả chính sách tiền tệ và chính sách tài chính.

Một chính sách lớn, được triển khai khẩn trương do yêu cầu của nền kinh tế không thể nói là tuyệt đối hóa mọi vấn đề. Các quy định của NHNN, của NHTM cũng nói rõ trách nhiệm của từng cấp, của từng người trong hoạt động ngân hàng nói chung cũng như trong chính sách hỗ trợ lãi suất. Nếu khách hàng có nguồn thu trả nợ trước hạn của các hợp đồng tín dụng trước đây, sau đó vay vốn mới của NHTM tại chính chi nhánh đó hoặc của chi nhánh NHTM khác, song đáp ứng đủ các quy định hiện hành cũng như nguyên tắc vay vốn, thì chi nhánh NHTM không thể từ chối không cho vay được. Hệ thống kiểm tra nội bộ, hệ thống thanh tra của NHNN, cũng như ý thức tự giác, việc gắn trách nhiệm cá nhân và tập thể đảm bảo cho chính sách được thực hiện một cách nghiêm minh, có hiệu quả cao nhất. ■